TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim.
2. Ông Nguyễn Văn Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***Bị đơn*:** Anh Ngô Văn Bé B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh B1 Ba cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh B1 Ba do người quen giới thiệu, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/02/2016. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh Bé B thường hay uống rượu, mỗi khi có uống rượu là anh Bé B kiếm chuyện đánh chị. Chị và anh Bé B đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không có hàn gắn với nhau mà anh Bé B còn đến nơi chị sống để kiếm chuyện đánh chị và đập phá đồ đạc ở nơi chị ở. Nay chị xác định tình cảm với anh B1 Ba không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh B1 Ba ly hôn với nhau.

Khi ly hôn chị không yêu cầu anh B1 Ba cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống chị và anh B1 Ba có một con chung tên Ngô Trí T1, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay con chung đang sống chung với anh Bé B, khi ly hôn chị để cho anh Bé B nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2023 bị đơn anh Ngô Văn Bé B trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống và đi làm tại huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian vợ chồng chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường cãi nhau. Anh và chị T không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 đến nay, anh về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã T để sinh sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có hàn gắn với nhau, nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng anh và chị T có một con chung tên Ngô Trí T1, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay con đang sống chung với anh, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Ngô Văn Bé B; Về con chung: anh Ngô Văn Bé B được trực tiếp nuôi con chung là cháu Ngô Trí T1, sinh ngày 09/11/2016; chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B1 Ba không có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Ngô Văn Bé B có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn và bị đơn cùng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Ngô Văn Bé B xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/02/2016. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh B1 Ba đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị T yêu cầu ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thường hay cãi nhau, anh B1 Ba có uống rượu say là về kiếm chuyện đánh chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2023 anh Ngô Văn Bé B trình bày thống nhất với yêu cầu của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và cả nợ chung. Cụ thể, anh B1 B đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung thì anh B1 Ba có yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh B1 Ba đã thống nhất được với nhau về vấn đề hôn nhân, cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về nuôi con chung: trong thời gian sống chung, chị T và anh B1 Ba có một con chung tên Ngô Trí T1, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay con chung đang sống với anh Bé B, khi ly hôn cả anh Bé B và chị T đều thống nhất ý kiến để cho anh Bé Ba có quyền tiếp tục nuôi con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B1 Ba không có yêu cầu. Xét thấy, cả chị T và anh B1 Ba đều thống nhất được với nhau về việc sau khi ly hôn ai sẽ là người có quyền trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của anh chị. Giao con chung cho anh B1 Ba tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung: chị T và anh B1 Ba thống nhất tài sản chung không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị T và anh B1 Ba thống nhất tài sản chung không có nên không đề cập.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí ly hôn: buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu do chị T yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Ngô Văn Bé B.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Ngô Văn Bé B.

[2] Về nuôi con chung: Anh Ngô Văn Bé B tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Trí T1, sinh ngày 09/11/2016 (hiện nay cháu T1 sống cùng anh Bé B). Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B1 Ba không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: chị T và anh B1 Ba thống nhất tài sản chung không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị T và anh B1 Ba thống nhất tài sản chung không có nên không đề cập.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002310 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên chị T không phải nộp thêm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã Thanh Tân (số 13, ngày 24/02/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh